

Số : 37/2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ tin học,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (sau đây viết tắt là Hệ thống TTLNH) để thực hiện việc thanh toán và quyết toán giữa các đơn vị tham gia hệ thống thanh toán này bằng Đồng Việt Nam (VND), Đô la Mỹ (USD), Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) và các loại ngoại tệ khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

2. Đối tượng áp dụng:

Là thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp của Hệ thống TTLNH, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, tổ chức chủ trì hệ thống bù trừ có kết nối đến Hệ thống TTLNH, các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thanh toán điện tử liên ngân hàng (viết tắt là TTLNH) là quá trình xử lý các giao dịch thanh toán liên ngân hàng kể từ khi khởi tạo Lệnh thanh toán cho tới khi hoàn tất thực hiện Lệnh thanh toán, được thực hiện qua mạng máy tính.

2. Thành viên trực tiếp (viết tắt là thành viên) là Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương tham gia Hệ thống TTLNH.

3. Đơn vị thành viên trực tiếp (viết tắt là đơn vị thành viên) là đơn vị trực thuộc thành viên tham gia Hệ thống TTLNH theo đề nghị của thành viên.

4. Thành viên gián tiếp là đơn vị trực thuộc thành viên, có mã ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp, thực hiện thanh toán thông qua thành viên hoặc đơn vị thành viên.

5. Lệnh thanh toán là một tin điện sử dụng để thực hiện một giao dịch thanh toán trong Hệ thống TTLNH.

6. Người phát lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân yêu cầu thành viên, đơn vị thành viên tạo lập Lệnh thanh toán.

7. Người nhận lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân nhận Lệnh thanh toán thông qua thành viên, đơn vị thành viên.

8. Khách hàng là Người phát lệnh hoặc là Người nhận lệnh.

9. Người lập Lệnh thanh toán (viết tắt là người lập lệnh) là cá nhân thuộc thành viên, đơn vị thành viên được giao nhiệm vụ thực hiện khởi tạo Lệnh thanh toán.

10. Người kiểm soát Lệnh thanh toán (viết tắt là người kiểm soát lệnh) là kế toán trưởng, phụ trách kế toán hoặc người được ủy quyền của thành viên, đơn vị thành viên thực hiện kiểm soát Lệnh thanh toán.

11. Người duyệt Lệnh thanh toán (viết tắt là người duyệt lệnh) là người có thẩm quyền (người đại diện hợp pháp) của thành viên, đơn vị thành viên; riêng đối với đơn vị thành viên là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, người duyệt lệnh là Thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền.

12. Người duyệt truyền thông là cá nhân thuộc thành viên, đơn vị thành viên được giao nhiệm vụ truyền, nhận tin điện trong Hệ thống TTLNH.

13. Đơn vị khởi tạo Lệnh thanh toán (viết tắt là đơn vị khởi tạo lệnh) là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt cho khách hàng lập và xử lý Lệnh thanh toán (đi).

14. Đơn vị nhận Lệnh thanh toán (viết tắt là đơn vị nhận lệnh) là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt khách hàng nhận và xử lý Lệnh thanh toán (đến).

15. Dịch vụ thanh toán giá trị thấp là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng phương thức quyết toán bù trừ.

16. Dịch vụ thanh toán giá trị cao là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng phương thức quyết toán tổng tức thời.

17. Dịch vụ thanh toán ngoại tệ là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng phương thức quyết toán tổng tức thời.

18. Lệnh thanh toán Có là Lệnh thanh toán của đơn vị khởi tạo lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị khởi tạo lệnh một khoản tiền xác định và ghi Có tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị nhận lệnh khoản tiền đó.

19. Lệnh thanh toán Nợ là Lệnh thanh toán của đơn vị khởi tạo lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị nhận lệnh một khoản tiền xác định và ghi Có tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị khởi tạo lệnh khoản tiền đó.

20. Lệnh thanh toán giá trị thấp là Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam có giá trị nhỏ hơn 500.000.000 VND (Năm trăm triệu đồng), sử dụng dịch vụ

thanh toán giá trị thấp.

21. Lệnh thanh toán giá trị cao là Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

22. Lệnh thanh toán ngoại tệ là Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

23. Tin điện là thông tin điện tử thể hiện nội dung của Lệnh thanh toán hay thông báo liên quan đến giao dịch thanh toán cần thực hiện và được truyền qua mạng máy tính giữa các đơn vị tham gia Hệ thống TTLNH.

24. Mã xác nhận tin điện là ký hiệu của thông tin điện tử về tình trạng của các Lệnh thanh toán trong Hệ thống TTLNH.

25. Quyết toán là việc xác định và thanh toán giá trị cuối cùng giữa các thành viên liên quan để hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

26. Quyết toán tổng tức thời là việc xử lý quyết toán tức thời từng Lệnh thanh toán để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các thành viên hoặc đơn vị thành viên.

27. Quyết toán kết quả bù trừ giá trị thấp (gọi tắt là quyết toán bù trừ) là việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các bên tham gia thanh toán bằng cách bù trừ trực tiếp sau khi đã cân đối giữa tổng các khoản phải thu và tổng các khoản phải trả.

28. Hạn mức nợ ròng là mức giá trị tối đa quy định cho các giao dịch thanh toán giá trị thấp được tham gia quyết toán bù trừ.

29. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH là đơn vị trực tiếp vận hành Hệ thống TTLNH.

30. Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (viết tắt là Trung tâm Xử lý Quốc gia - NPSC) là hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đặt tại Cục Công nghệ tin học để thực hiện các chức năng của Cấu phần Thanh toán giá trị cao, Cấu phần Thanh toán ngoại tệ, Cấu phần Thanh toán giá trị thấp, Cấu phần Xử lý tài khoản thanh toán và kiểm tra, đối chiếu số liệu.

31. Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia dự phòng (viết tắt là Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng - BNPS) là hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đặt tại Trung tâm dữ liệu dự phòng để thực hiện chức năng dự phòng cho Trung tâm Xử lý Quốc gia.

32. Giá trị của giấy tờ có giá kỹ quỹ được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH.

33. Tỷ lệ kỹ quỹ là tỷ lệ phần trăm (%) giữa giá trị giấy tờ có giá kỹ quỹ, tiền kỹ quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng và hạn mức nợ ròng đầu ngày.

34. Dịch vụ quyết toán ròng cho các hệ thống khác là dịch vụ tiếp nhận và xử lý kết quả quyết toán ròng từ Hệ thống bù trừ tự động (ACH), Hệ thống bù trừ thẻ, và các Hệ thống thanh toán bù trừ khác.

Điều 3. Các cấu phần và chức năng chính của Hệ thống TTLNH

1. Hệ thống TTLNH là hệ thống tổng thể gồm: Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia dự phòng, phần mềm cài đặt tại các thành viên và đơn vị thành viên.

2. Các cấu phần xử lý nghiệp vụ bao gồm: Cấu phần Thanh toán giá trị cao, Cấu phần Thanh toán ngoại tệ, Cấu phần Thanh toán giá trị thấp, Cấu phần xử lý tài khoản thanh toán.

3. Cấu phần Thanh toán giá trị cao thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

4. Cấu phần Thanh toán ngoại tệ thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

5. Cấu phần Thanh toán giá trị thấp thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán giá trị thấp sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị thấp.

6. Cấu phần xử lý tài khoản thanh toán thực hiện kiểm tra, hạch toán Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ, xử lý kết quả bù trừ giá trị thấp và kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác.

Điều 4. Chứng từ sử dụng trong TTLNH

1. Chứng từ sử dụng trong TTLNH là chứng từ bằng giấy hoặc dưới dạng chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chứng từ kế toán.

2. Cơ sở để lập Lệnh thanh toán là các chứng từ sử dụng trong TTLNH.

3. Lệnh thanh toán phải được lập dưới dạng chứng từ điện tử theo đúng mẫu, đáp ứng các chuẩn dữ liệu do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 5. Thanh toán Nợ trong Hệ thống TTLNH

1. Thanh toán Nợ giữa các thành viên không phải là đơn vị Ngân hàng Nhà nước phải có hợp đồng uỷ quyền trước.

2. Thanh toán Nợ giữa các thành viên là đơn vị Ngân hàng Nhà nước với các thành viên không phải là đơn vị Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản thỏa thuận trước.

3. Hợp đồng uỷ quyền trước hoặc văn bản thỏa thuận về việc thanh toán

Nợ giữa các thành viên phải bao gồm tối thiểu các yếu tố sau:

- Hạn mức tối đa trong ngày được thanh toán Nợ giữa các thành viên;
- Hạn mức tối đa của một Lệnh thanh toán Nợ không cần xác nhận nợ;
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận.

Điều 6. Quy định về sử dụng dịch vụ thanh toán

1. Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam có giá trị từ 500.000.000 VND (năm trăm triệu đồng) trở lên phải sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

2. Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam có giá trị nhỏ hơn 500.000.000 VND (năm trăm triệu đồng) có thể sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao hoặc dịch vụ thanh toán giá trị thấp.

3. Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ phải sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

Điều 7. Chi phí và thu phí trong TTLNH

1. Chi phí xây dựng, lắp đặt, duy trì, phát triển và nâng cấp hoạt động của Hệ thống TTLNH do Ngân hàng Nhà nước chi trả. Chi phí xây dựng, lắp đặt, duy trì, phát triển và nâng cấp hoạt động của các hệ thống khác thuộc thành viên, đơn vị thành viên để phục vụ cho hoạt động TTLNH tại thành viên, đơn vị thành viên thì do thành viên, đơn vị thành viên chi trả.

2. Khi tham gia sử dụng dịch vụ Hệ thống TTLNH các thành viên, đơn vị thành viên phải trả phí dịch vụ tham gia Hệ thống TTLNH, phí thường niên và phí dịch vụ thanh toán trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG TTLNH

Điều 8. Kiểm tra Hệ thống TTLNH

1. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH hàng ngày kiểm tra tình trạng kỹ thuật của Hệ thống TTLNH về dữ liệu số dư, dữ liệu hạn mức nợ rỗng, dữ liệu thanh toán.

2. Cục Công nghệ tin học hàng ngày kiểm tra tình trạng kỹ thuật của Hệ thống TTLNH về hệ thống phần mềm, trang thiết bị và mạng truyền thông tại Trung tâm Xử lý Quốc gia, Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng.

3. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, thành viên, đơn vị thành viên phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi để nhận và xử lý các Lệnh thanh toán trong thời gian làm việc của Hệ thống TTLNH, bảo đảm Hệ thống TTLNH hoạt động thông suốt, an toàn.

Điều 9. Thời gian làm việc áp dụng trong Hệ thống TTLNH

1. Các thời điểm áp dụng trong Hệ thống TTLNH được quy định như sau:

a) Thời điểm Hệ thống TTLNH bắt đầu hoạt động: 8 giờ 00 phút của ngày làm việc;

b) Thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán:

- Đối với Lệnh thanh toán giá trị thấp: 16 giờ 00 phút đối với ngày làm việc bình thường, 17 giờ 00 phút đối với 02 ngày làm việc cuối tháng;

- Đối với Lệnh thanh toán giá trị cao và Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ: 17 giờ 00 phút đối với ngày làm việc bình thường, 17 giờ 45 phút đối với 02 ngày làm việc cuối tháng;

c) Thời điểm thực hiện các công việc cuối ngày (kiểm tra các điều kiện đối chiếu, thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu với Trung tâm Xử lý Quốc gia): từ 17 giờ 15 phút đối với ngày làm việc bình thường, từ 18 giờ 00 phút đối với 02 ngày làm việc cuối tháng.

2. Trong trường hợp có thay đổi các thời điểm được quy định tại Khoản 1 Điều này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định và thông báo bằng văn bản cho thành viên trước thời gian có hiệu lực tối thiểu 30 ngày trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Trong trường hợp có sự thay đổi về thời điểm được quy định tại Khoản 1 Điều này vào thời gian quyết toán năm hoặc Hệ thống TTLNH hoạt động vào các ngày nghỉ, Lễ, Tết thì Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH thông báo bằng văn bản cho thành viên và đăng tải trên cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước trước thời gian có hiệu lực tối thiểu 05 ngày làm việc.

Điều 10. Gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán

1. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH được phép thay đổi thời điểm nhận Lệnh thanh toán thêm tối đa 30 phút trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp do yêu cầu công việc, do Hệ thống TTLNH phát sinh lỗi tại Trung tâm Xử lý Quốc gia hoặc do các nguyên nhân khác từ phía Ngân hàng Nhà nước Trung ương;

b) Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, thành viên đề nghị gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán do sự cố kỹ thuật hoặc do khối lượng chứng từ phát sinh quá nhiều vào cuối giờ giao dịch.

2. Trường hợp thay đổi thời điểm nhận Lệnh thanh toán vượt quá 30 phút trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định, đồng thời

gửi Vụ Thanh toán để giám sát.

3. Việc gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán quy định tại Khoản 1, 2 Điều này được thông báo tới tất cả các thành viên Hệ thống TTLNH và các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước qua hộp thư điện tử đã đăng ký với đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH hoặc trên Hệ thống TTLNH trước thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị thấp đối với trường hợp gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán giá trị thấp, trước thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao và Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ đối với trường hợp gia hạn thời gian nhận Lệnh thanh toán giá trị cao và Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ.

Điều 11. Ghi nhật ký và lưu trữ dữ liệu điện tử các giao dịch

1. Quá trình xử lý các giao dịch được Hệ thống TTLNH tự động ghi dưới dạng dữ liệu điện tử.

2. Hàng ngày, dữ liệu điện tử phải được lưu trữ ra các thiết bị mang tin (băng từ, đĩa cứng). Dữ liệu điện tử phải lưu trữ bao gồm:

a) Đối với mỗi thành viên, đơn vị thành viên, lưu trữ dữ liệu điện tử về các yêu cầu giao dịch và tin điện kết quả;

b) Đối với Trung tâm Xử lý Quốc gia, lưu trữ dữ liệu điện tử về các tin điện giao dịch, giao dịch hạch toán, dữ liệu đối chiếu và kết quả xử lý.

3. Việc quản lý tài liệu, dữ liệu điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Trường hợp cần thiết phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm soát, giải quyết tranh chấp, các đơn vị có trách nhiệm phải xuất trình dữ liệu nhật ký điện tử cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng.

Điều 12. Cấp phát, quản lý và sử dụng chữ ký điện tử tham gia Hệ thống TTLNH

1. Chữ ký điện tử được chia làm 4 loại:

a) Chữ ký điện tử của người lập lệnh;

b) Chữ ký điện tử của người kiểm soát lệnh;

c) Chữ ký điện tử của người duyệt lệnh;

d) Chữ ký điện tử của người duyệt truyền thông (viết tắt là Chữ ký điện tử truyền thông).

2. Chữ ký điện tử được phân cấp quản lý và sử dụng như sau:

a) Công cụ và phương tiện tạo chữ ký điện tử của người lập lệnh và người kiểm soát lệnh do thành viên, đơn vị thành viên tự cấp phát và quản lý theo quy trình xử lý tại từng đơn vị;

b) Khóa bí mật tạo chữ ký điện tử của người duyệt lệnh và chữ ký điện tử truyền thông được Ngân hàng Nhà nước cấp theo quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước. Người được giao quản lý, sử dụng chữ ký điện tử, khóa bí mật phải bảo đảm bí mật và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để lộ chữ ký điện tử, khóa bí mật gây thiệt hại;

c) Việc tổ chức phân quyền người lập lệnh, người kiểm soát lệnh và người duyệt lệnh tại các thành viên, đơn vị thành viên do người có thẩm quyền của đơn vị quy định, đảm bảo nguyên tắc người lập lệnh độc lập với người kiểm soát lệnh và người duyệt lệnh.

Điều 13. Vấn tin và đối chiếu

1. Vấn tin:

Thành viên, đơn vị thành viên thực hiện vấn tin và tra cứu thông tin bằng cách gửi tin điện yêu cầu vấn tin hoặc thông qua trang thông tin điện tử cung cấp thông tin. Hệ thống TTLNH tự động kiểm tra tính hợp lệ của các yêu cầu này và cung cấp thông tin trả lời.

2. Đối chiếu kết quả thanh toán:

a) Việc đối chiếu kết quả thanh toán được thực hiện hàng ngày vào thời điểm Hệ thống TTLNH hoàn tất công việc xử lý cuối ngày;

b) Số liệu đã quyết toán trong ngày tại Trung tâm Xử lý Quốc gia là căn cứ gốc để đối chiếu kết quả thanh toán;

c) Toàn bộ Lệnh thanh toán phát sinh phải được đối chiếu khớp đúng giữa số liệu tại Trung tâm Xử lý Quốc gia và các thành viên, đơn vị thành viên ngay trong ngày, trừ trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật, truyền thông dẫn đến việc đối chiếu tại thành viên, đơn vị thành viên không thể hoàn thành trong ngày;

d) Việc đối chiếu Lệnh thanh toán được thực hiện cho từng ngày riêng biệt. Trong trường hợp có sự cố không thể hoàn thành trong ngày theo quy định, thì việc đối chiếu được phép kéo dài sang ngày làm việc kế tiếp sau khi sự cố được khắc phục. Tuy nhiên, việc đối chiếu dù thực hiện vào ngày kế tiếp nhưng vẫn phải phản ánh theo ngày phát sinh Lệnh thanh toán;

đ) Trung tâm Xử lý Quốc gia tự động tạo dữ liệu đối chiếu cuối ngày cho các thành viên, đơn vị thành viên thực hiện đối chiếu;

e) Các thành viên, đơn vị thành viên nhận số liệu và đối chiếu với số liệu Lệnh thanh toán thực gửi và nhận trong ngày theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 37 Thông tư này.

Trong trường hợp phát sinh sai sót, các thành viên, đơn vị thành viên phải

thông báo và phối hợp với đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH để xử lý.

Điều 14. Hoạt động của Trung tâm Xử lý Quốc gia

1. Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ điện tử bao gồm:

- a) Loại và khuôn dạng của các dữ liệu;
- b) Tính hợp lệ (có thẩm quyền) của người duyệt lệnh;
- c) Ngày, tháng, năm;
- d) Tính duy nhất;
- đ) Các yếu tố bắt buộc đối với Lệnh thanh toán;
- e) Mã xác nhận tin điện;
- g) Mã đơn vị tham gia, mã thiết bị sử dụng đầu cuối, mã người duyệt.

2. Thực hiện xử lý các Lệnh thanh toán, Lệnh hủy Lệnh thanh toán hợp lệ; thông báo theo yêu cầu về Lệnh thanh toán và kết quả xử lý Lệnh thanh toán cho các thành viên, đơn vị thành viên liên quan đến Lệnh thanh toán đó.

3. Đối chiếu Lệnh thanh toán với các thành viên, đơn vị thành viên trong Hệ thống TTLNH.

4. Từ chối thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán không hợp lệ, Lệnh hủy Lệnh thanh toán không hợp lệ, Lệnh thanh toán gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán.

5. Từ chối thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ đối với các thành viên không đủ số dư trong tài khoản thanh toán của loại tiền tương ứng.

6. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Có giá trị cao không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao trên tài khoản của đơn vị khởi tạo lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Có giá trị cao gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao.

7. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Có bằng ngoại tệ không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ trên tài khoản loại tiền tương ứng của đơn vị khởi tạo lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Có bằng ngoại tệ gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ.

8. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Nợ giá trị cao không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị cao trên tài khoản của đơn vị nhận lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Nợ giá trị cao gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng

nhận Lệnh thanh toán giá trị cao.

9. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán Nợ bằng ngoại tệ không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ trên tài khoản loại tiền tương ứng của đơn vị nhận lệnh không đủ số dư để thực hiện thanh toán hoặc Lệnh thanh toán Nợ bằng ngoại tệ gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ.

10. Thông báo trạng thái Lệnh thanh toán giá trị thấp không thành công cho đơn vị khởi tạo lệnh nếu sau thời điểm Hệ thống TTLNH thực hiện quyết toán bù trừ đơn vị khởi tạo lệnh thiếu hạn mức nợ ròng hiện thời hoặc Lệnh thanh toán giá trị thấp gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH ngừng nhận Lệnh thanh toán giá trị thấp.

11. Tự động gửi tin điện kết quả bù trừ giá trị thấp cho cầu phần Xử lý tài khoản để hạch toán cho các thành viên tham gia quyết toán bù trừ giá trị thấp trong ngày.

12. Việc xử lý kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

Điều 15. Hoạt động của hệ thống dự phòng

1. Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng hoạt động thay thế cho Trung tâm Xử lý Quốc gia khi Trung tâm Xử lý Quốc gia bị sự cố không thể vận hành bình thường.

2. Trong thời gian Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng hoạt động thay thế Trung tâm Xử lý Quốc gia, Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng có chức năng hoạt động như quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Mọi dữ liệu và kết quả xử lý tại Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng có giá trị pháp lý như đối với Trung tâm Xử lý Quốc gia.

Chương III

LỆNH THANH TOÁN TRONG TTLNH

Điều 16. Quy trình tạo lập Lệnh thanh toán

1. Đối với Lệnh thanh toán khởi tạo từ chứng từ giấy:

a) Người lập lệnh thực hiện khởi tạo Lệnh thanh toán qua các bước sau:

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp chứng từ giao dịch thanh toán của khách hàng;
- Xác định, phân loại Lệnh thanh toán để xử lý;
- Đối chiếu, kiểm tra số dư tài khoản của khách hàng;

- Nhập các thông tin cơ bản sau: Đơn vị khởi tạo lệnh (tên, mã ngân hàng), số tiền, tên, địa chỉ, tài khoản (nếu có), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người phát lệnh hoặc mã số doanh nghiệp (đối với Người phát lệnh là doanh nghiệp), đơn vị phục vụ người phát lệnh, đơn vị nhận lệnh (tên, mã ngân hàng), tên, địa chỉ, tài khoản (nếu có), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người nhận lệnh, đơn vị phục vụ người nhận lệnh, nội dung chuyển tiền và các nội dung khác liên quan đến giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, giao dịch nộp ngân sách Nhà nước, giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ và các loại giao dịch khác (nếu có) theo Mẫu số TTLNH-04;

- Kiểm soát lại các dữ liệu đã nhập và ký chữ ký điện tử vào Lệnh thanh toán;

- Ký trên chứng từ, chuyển chứng từ và dữ liệu đã nhập cho người kiểm soát lệnh;

b) Người kiểm soát lệnh:

- Căn cứ nội dung trên các chứng từ liên quan, kiểm soát lại các yếu tố: đơn vị nhận lệnh, đơn vị phục vụ người phát lệnh, đơn vị phục vụ người nhận lệnh, số tiền để kiểm tra dữ liệu do người lập lệnh đã nhập, nội dung thanh toán;

- Nếu phát hiện có sai sót thì chuyển trả người lập lệnh;

- Nếu dữ liệu đúng thì ký chữ ký điện tử vào Lệnh thanh toán, ký trên chứng từ và chuyển cho người duyệt lệnh;

c) Người duyệt lệnh:

- Kiểm tra sự khớp đúng giữa số liệu trên chứng từ gốc và số liệu trên màn hình;

- Nếu phát hiện sai sót thì chuyển trả người lập lệnh hoặc người kiểm soát lệnh;

- Nếu dữ liệu đúng thì ký trên chứng từ, ký chữ ký điện tử của mình vào Lệnh thanh toán để chuyển đi.

2. Đối với Lệnh thanh toán tạo từ chứng từ điện tử:

Trường hợp Lệnh thanh toán được tạo từ chứng từ điện tử từ các hệ thống nội bộ của thành viên, đơn vị thành viên thì phải tuân thủ quy định về cấu trúc, định dạng dữ liệu do Ngân hàng Nhà nước quy định và đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Nếu chứng từ điện tử hợp lệ nhưng chưa đầy đủ thông tin theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này: người lập lệnh bổ sung các nội dung còn thiếu

theo quy định lập Lệnh thanh toán; người kiểm soát lệnh và người duyệt lệnh kiểm tra lại các yếu tố tương tự như đối với trường hợp chứng từ giấy để bảo đảm tính chính xác và ký chữ ký điện tử của mình vào Lệnh thanh toán để chuyển đi;

b) Nếu chứng từ điện tử hợp lệ, đầy đủ thông tin theo quy định lập Lệnh thanh toán và bao gồm chữ ký điện tử an toàn nội bộ của thành viên, các đơn vị lựa chọn phương án ký chữ ký điện tử trên Lệnh thanh toán theo phương pháp thủ công hoặc lựa chọn ký chữ ký điện tử theo phương pháp tự động đối với từng Lệnh thanh toán;

c) Nếu các chứng từ điện tử đầu vào hợp lệ, có đầy đủ thông tin theo quy định lập Lệnh thanh toán và đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn và tính chính xác của dữ liệu, người có thẩm quyền của các đơn vị quyết định về việc cho phép chỉ cần người duyệt lệnh ký chữ ký điện tử trên Lệnh thanh toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định này hoặc thực hiện theo Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Sau khi Lệnh thanh toán đã được gửi đi và nhận được kết quả trạng thái thành công, Lệnh thanh toán đó có thể in ra chứng từ giấy nếu có yêu cầu.

4. Lệnh thanh toán bằng loại đồng tiền nào sẽ được Hệ thống TTLNH xử lý, hạch toán trên tài khoản thanh toán của loại đồng tiền tương ứng đó của thành viên mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (sau đây viết tắt là Sở Giao dịch).

Điều 17. Kiểm tra tính hợp lệ Lệnh thanh toán

Trong quá trình sử dụng, các thành viên, đơn vị thành viên phải chịu trách nhiệm pháp lý về tính hợp pháp của chứng từ dùng để lập Lệnh thanh toán tại đơn vị. Thành viên, đơn vị thành viên phải kiểm tra tính hợp lệ của Lệnh thanh toán, thông tin kiểm tra gồm:

1. Loại và khuôn dạng của các dữ liệu;
2. Tính hợp lệ (có thẩm quyền) của người lập lệnh, người kiểm soát lệnh, người duyệt lệnh;
3. Ngày, tháng, năm;
4. Tính duy nhất;
5. Các yếu tố bắt buộc đối với Lệnh thanh toán;
6. Mã xác nhận tin điện;
7. Mã đơn vị tham gia, mã thiết bị sử dụng đầu cuối và mã người duyệt.

Điều 18. Hạch toán tại thành viên, đơn vị thành viên

Các thành viên, đơn vị thành viên thực hiện hạch toán Lệnh thanh toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Hạch toán và xử lý các Lệnh thanh toán tại Sở Giao dịch

Sở Giao dịch căn cứ Bảng kê được lập hàng ngày trên dữ liệu điện tử (theo các Mẫu số TTLNH-10, TTLNH-11, TTLNH-12, TTLNH-13, TTLNH-14, TTLNH-15 kèm theo Thông tư này) để làm cơ sở thực hiện kiểm soát, đối chiếu, hạch toán, kiểm toán và lưu trữ.

Chương IV

XỬ LÝ QUYẾT TOÁN BÙ TRỪ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN VÀ KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN RÒNG TỪ CÁC HỆ THỐNG KHÁC

Điều 20. Hạn mức nợ ròng

1. Thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày

a) Các thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp phải thiết lập, duy trì và quản lý hạn mức nợ ròng;

b) Các thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp phải tự tính hạn mức nợ ròng đầu ngày trên cơ sở căn cứ doanh số giao dịch giá trị thấp của kỳ trước và gửi giấy đề nghị thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày đến Sở Giao dịch. Hạn mức nợ ròng đầu ngày của mỗi thành viên được tính theo công thức sau:

Hạn mức nợ ròng đầu ngày = Mức chênh lệch (phải trả - phải thu) bình quân ngày của thành viên xét trong 6 tháng liền trước của kỳ thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày.

Trong trường hợp hạn mức nợ ròng đầu ngày tính toán bằng không hoặc âm thì hạn mức nợ ròng đầu ngày được thiết lập căn cứ trên tình hình thanh toán thực tế kỳ liền trước, hạn mức nợ ròng đầu ngày kỳ liền trước, giấy tờ có giá và/hoặc tiền ký quỹ và nhu cầu thanh toán giá trị thấp của thành viên.

Trong trường hợp thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp có thời gian chưa đủ 6 tháng thì hạn mức nợ ròng đầu ngày của thành viên đó được thiết lập bằng giá trị của giấy tờ có giá và/hoặc tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng của thành viên.

Sở Giao dịch kiểm tra tính đúng đắn về số học, kết hợp với nhu cầu thanh toán giá trị thấp thực tế, giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ của các thành viên và thông báo kết quả để thành viên thực hiện;

c) Việc thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày được thực hiện 6 tháng một

lần vào thời gian 5 ngày làm việc đầu tiên của tháng 1 và tháng 7 hàng năm;

d) Các thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp thực hiện ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

2. Điều chỉnh hạn mức nợ ròng đầu ngày

a) Sở Giao dịch có thể yêu cầu thành viên tham gia dịch vụ gửi Lệnh thanh toán giá trị thấp điều chỉnh giảm hạn mức nợ ròng đầu ngày nếu thấy hạn mức này quá cao sau khi xem xét khả năng thanh toán và giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng của thành viên này;

b) Trong kỳ thiết lập hạn mức nợ ròng đầu ngày, mỗi thành viên có thể yêu cầu Sở Giao dịch xem xét và quyết định điều chỉnh hạn mức nợ ròng đầu ngày phù hợp theo tình hình thanh toán của thành viên. Trong trường hợp điều chỉnh tăng thì tỷ lệ ký quỹ để thiết lập phần hạn mức nợ ròng đầu ngày tăng thêm tối thiểu là 100%.

3. Điều chỉnh hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày

a) Trong ngày làm việc, nếu thành viên yêu cầu điều chỉnh tăng hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày thì phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày được xử lý như sau:

Nếu thành viên sử dụng giấy tờ có giá hoặc tiền ký quỹ để yêu cầu tăng hạn mức nợ ròng thì thành viên phải thực hiện ký quỹ giấy tờ có giá hoặc ký quỹ bằng tiền. Giá trị của giấy tờ có giá ký quỹ bổ sung hoặc số tiền ký quỹ bổ sung phải tối thiểu bằng phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày. Trong trường hợp giá trị của giấy tờ có giá ký quỹ bổ sung hoặc số tiền ký quỹ bổ sung không đủ thì không thực hiện yêu cầu này.

Nếu thành viên sử dụng số dư tài khoản thanh toán để yêu cầu tăng hạn mức nợ ròng đầu ngày thì Sở Giao dịch trích nợ số tiền trên tài khoản thanh toán của thành viên đó có giá trị bằng phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày để thực hiện ký quỹ. Trong trường hợp số dư tài khoản thanh toán của thành viên không đủ thì không thực hiện yêu cầu này.

Sau khi hoàn thành việc quyết toán bù trừ giá trị thấp trong ngày, Sở Giao dịch thực hiện hoàn trả giấy tờ có giá ký quỹ bổ sung khi thành viên có yêu cầu hoặc số tiền ký quỹ bổ sung cho thành viên. Đồng thời hạn mức nợ ròng được điều chỉnh về bằng hạn mức nợ ròng đầu ngày. Hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày được xác định như sau:

Hạn mức nợ ròng đầu ngày tạm thời trong ngày = Hạn mức nợ ròng đầu ngày + Phần giá trị tăng thêm tạm thời trong ngày của hạn mức nợ ròng đầu ngày;